TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 8 - 2025
"V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Bà Lê Thị Bích Thuần

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Khổng Thị Đức Hậu - Là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ (Cơ sở 2), xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1970; "có mặt".

2. Bị đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1980; "có mặt".

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã B, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2022 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị N có đăng ký kết hôn với nhau ngày 11/4/2003 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo giấy chứng nhận kết hôn thể hiện tên anh là Nguyễn Khương D là do khi đăng ký kết hôn ghi nhầm lẫn tên anh, việc này anh đã làm thủ tục cải chính hộ tịch để thể hiện việc nhầm lẫn này. Sau khi kết hôn, anh và chị cùng chung sống với nhau tại nhà đất của bố mẹ anh. Thời gian đầu anh, chị chung sống bình thường, đến năm 2016 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do công việc của anh không ổn định, không có thu nhập đảm bảo cuộc sống gia

đình nên vợ con thường xuyên so bì, vợ chồng xảy ra xô sát, cãi nhau. Tuy nhiên mức độ xô sát chỉ trong phạm vi gia đình, chưa báo ra chính ra chính quyền địa phương nên chính quyền cũng không biết. Sau đó còn nhiều lần xảy ra nhưng mức độ chỉ trong phạm vi gia đình nên địa phương cũng không biết. Khi xảy ra xô sát thì chỉ có anh và chị N xảy ra với nhau, gia đình nội ngoại hai bên đều không biết và hàng xóm cũng không biết. Ngoài lý do nêu trên thì nguyên nhân anh làm đơn ly hôn là do tình cảm giữa anh và chị N không còn, anh không muốn tiếp tục chung sống với chị N nữa. Nay anh xác định tình cảm không còn, tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Nguyễn Tùng L, sinh ngày 02/01/2004 và Nguyễn Vân K, sinh ngày 04/01/2009. Hiện nay cả hai cháu vẫn ở cùng anh chị. Ly hôn anh D đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Anh đều không yêu cầu toà án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh D về thời gian, địa điểm kết hôn. Chị không đồng ý ly hôn vì vợ chồng vẫn đang chung sống bình thường, đang cùng nuôi dạy con cái. Việc trong đơn ly hôn anh D trình bày anh không ổn định, không có thu nhập đảm bảo cuộc sống gia đình và vợ con thường xuyên so bì là không đúng hoàn toàn. Chị thừa nhận hiện nay anh D không có công việc ổn định, mọi chi phí sinh hoạt cuộc sống hàng ngày của gia đình là do chị lo liệu (hiện chị đang làm giáo viên) nhưng chưa bao giờ chị hay các con so bì anh với ai khác. Việc hiện anh không đi làm, không có thu nhập chị vẫn chấp nhận và chị vẫn lo cho cả gia đình từ trước đến nay, không có ý kiến gì hay nói gì anh D về việc này. Đề nghị Toà án giải quyết cho chị đoàn tụ với anh D để vợ chồng tiếp tục chung sống bình thường và nuôi dạy các con.

Về con chung: Chị xác nhận có 02 con chung như anh D trình bày là đúng. Nếu Toà án giải quyết cho anh D ly hôn chị thì quan điểm của chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi cháu K, chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho chị. Còn đối với cháu L đã trên 18 tuổi nên chị không đề nghị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị đều không yêu cầu toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Nguyễn Văn D khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Trần Thị N. Anh D và chị N đều có địa chỉ tại Thôn P, xã B, tỉnh Phú Thọ. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 11/4/2003 phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

[3] xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn D, Hội đồng xét xử thấy:

Lý do anh D làm đơn xin ly hôn chị N vì năm 2016 giữa anh và chị N có xảy ra cãi nhau, dẫn đến xô sát, sau đó còn nhiều lần xảy ra nhưng mức độ chỉ trong phạm vi gia đình, nguyên nhân là do công việc của anh không ổn định, không có thu nhập đảm bảo cuộc sống gia đình nên vợ con thường xuyên so bì; ngoài lý do nêu trên anh còn cho rằng tình cảm giữa anh và chị N không còn. Tuy nhiên anh D chỉ trình bày chung chung, không đưa ra được căn cứ để chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N không đồng ý ly hôn vì vợ chồng vẫn đang chung sống bình thường, đang cùng nuôi dạy con cái, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị đoàn tụ với anh D để vợ chồng tiếp tục chung sống bình thường và nuôi dạy các con.

Toà án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú thì được biết anh chị có cuộc sống vợ chồng bình thường, không có biểu hiện mâu thuẫn vợ chồng.

Tại phiên toà, chị N vẫn tha thiết xin Hội đồng xét xử cho vợ chồng chị đoàn tụ vì cháu K năm nay học lớp 11, chuẩn bị lên lớp 12 và tiến tới sẽ bước vào kỳ thi tốt nghiệp cấp 3, đây là mốc quan trọng trong cuộc đời của cháu, chị không muốn xảy ra việc bố mẹ ly hôn làm ảnh hưởng đến tâm lý học hành của cháu.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị N chưa đến mức trầm trọng, kéo dài; việc xin ly hôn của anh D không thuộc trường hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D.

Hai bên cần có thời gian điều chỉnh lại cách ứng xử, cảm thông cho nhau trong cuộc sống, cải thiện quan hệ tình cảm để giữ hạnh phúc gia đình.

[4] Về con chung: Do Toà án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D nên không xem xét, giải quyết về con chung.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Anh D và chị N đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0002779 ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh D đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 – Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thanh